

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2024
V/v tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thành Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thùy Liễu, ông Bùi Văn Thiệu.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 507/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2024 về tranh chấp: "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị X, sinh năm 1984.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Tr, sinh năm 1979.

Đầu ĐKHKTT: Bình Lộc, phường Tân Bình, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Nguyên đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt), bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Hoàng Thị X Tr bày: Chị và anh Nguyễn Đình Tr được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có Đ ký kết hôn tại UBND phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương ngày 21 tháng 7 năm 2003 và được gia đình hai bên tổ chức hôn lễ theo phong tục của địa phương. Vợ chồng chung sống được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung, thường X xảy ra va chạm cãi vã. Ngoài ra do trong công việc làm ăn của chị không thuận lợi nên vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng về vấn đề kinh tế. Chị và anh Tr sống ly thân 4 năm nay, không ai quan tâm đến ai, mỗi người lo cuộc sống riêng, vợ chồng không còn quan tâm chia

sẽ với nhau. Nay chị nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm, thời gian vợ chồng ly thân cũng đã lâu, đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tr.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Đình Hải Đ sinh ngày 05/11/2005; Nguyễn Đình V sinh ngày 15/10/2008; Nguyễn Thị Khánh H sinh ngày 04/7/2014. Cháu Hải Đ đã thành niên, chị không yêu cầu tòa án giải quyết. Chị nhất trí để anh Tr nuôi cả hai con V và Khánh H cho đến khi thành niên, và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ / tháng/1 con kể từ tháng 10/2024 cho đến khi các con chung thành niên.

- *Về tài sản, nợ, công sức đóng góp cho gia đình hai bên*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Điều kiện và thời gian kết hôn của vợ chồng như chị X Tr bày là đúng. Quá Tr chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do chị X không chung thủy, có tình cảm trên mức bạn bè với nhiều người khác. Chị X làm ăn không thuận lợi dẫn đến nợ nần, gia đình anh phải bán đất đi trả nợ thay. Nay chị X kiên quyết xin ly hôn, anh xác định vợ chồng không thể Hn gắn được nữa. Tuy nhiên gia đình anh có việc hiếu, bố để chị X mới mất nên anh chưa đồng ý ly hôn tại thời điểm này. Trước kia vợ chồng anh kết hôn có họ Hng nội ngoại chứng kiến, nay vợ chồng ly hôn cũng phải báo có với gia đình hai bên.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Đình Hải Đ sinh ngày 05/11/2005; Nguyễn Đình V sinh ngày 15/10/2008; Nguyễn Thị Khánh H sinh ngày 04/7/2014. Cháu Hải Đ đã thành niên, anh không yêu cầu tòa án giải quyết. Anh nhất trí nuôi con V và Khánh H cho đến khi các con thành niên. Chị X tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ /1 tháng/1 con kể từ tháng 10/2024 cho đến khi các con chung thành niên. Anh hoàn toàn nhất trí. Hiện nay anh là thợ xây, thu nhập ổn định, anh khẳng định có đủ điều kiện để nuôi các con phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần.

- *Về tài sản, nợ, công sức đóng góp cho gia đình hai bên*: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Hòa Tr bày: Bà là mẹ đẻ của anh Tr và là mẹ vợ của chị X. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện có Đ ký tại UBND phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương ngày 21/7/2003. Quá Tr chung sống vợ chồng mâu thuẫn cụ thể như thế nào bà không nắm được nhưng chị X nợ nần nhiều gia đình bà phải bán đất để trả nợ. Chị X vào miền Nam làm ăn, anh Tr nhiều lần tìm chị nhưng chị kiên quyết không về đoàn tụ cùng gia đình. Bà mong muốn tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ trường hợp chị X kiên quyết ly hôn tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh chị có 03 con chung như chị X, anh Tr Tr bày. Các con đều đang ở ổn định với anh Tr và gia đình bà. Đề nghị tòa án giao con Khánh H và V cho anh Tr chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo việc học tập và sinh hoạt của các cháu. Chị X vẫn

gửi tiền về chu cấp cho các con. Ông bà đều còn khỏe và có thể hỗ trợ anh Tr trong việc nuôi dạy chăm sóc các con.

Xác minh với trưởng khu dân cư thể hiện: Ông không nắm được mâu thuẫn cụ thể giữa chị X, anh Tr nhưng có sự việc gia đình anh Tr phải bán đất để trả nợ cho chị X. Vợ chồng đã ly thân nhiều năm nay, chị X thỉnh thoảng về thăm nH. Đề nghị tòa án giải quyết các nội dung theo đơn khởi kiện của chị X theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà: Nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xác định việc chấp Hành pháp luật của Thẩm phán, thư ký trong quá Tr thu thập chứng cứ, người tiến Hành tố tụng tại phiên toà chấp Hành đúng qui định của BLTTDS, người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp Hành đúng qui định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX Áp dụng: Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 228, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ vợ chồng: Xử chị Hoàng Thị X được ly hôn anh Nguyễn Đình Tr. Về con chung: Giao con Nguyễn Đình V sinh ngày 15/10/2008; Nguyễn Thị Khánh H sinh ngày 04/7/2014 cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên. Chấp nhận sự tự nguyện của chị X cấp dưỡng nuôi con chung 1.500.000đ/ 1 con/ 1 tháng cho đến khi các con thành niên. Về án phí: Chị X phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn cư trú tại thành phố Hải Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai vắng mặt không lý do, HĐXX căn cứ khoản 2 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân: Chị X và anh Tr được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn có Đ ký kết hôn tại UBND phường Thanh Bình, thành phố Hải Dương ngày 21 tháng 7 năm 2003 đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ công việc của chị X không thuận lợi, phải bán đất của cha ông để trả nợ khiến kinh tế gia đình sa sút. Sau đó chị X vào miền Nam làm ăn, vợ chồng xa mặt cách lòng

nên không có sự tin tưởng và luôn nghi ngờ lẫn nhau. Vợ chồng ly thân nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai, mỗi người lo một cuộc sống riêng. Anh Tr không nhất trí ly hôn với lý do bố vợ anh mới chết, gia đình anh vừa trải qua sự mất mát lớn. HĐXX nhận thấy lý do anh Tr đưa ra không thuyết phục bởi lẽ theo lời Tr bày của chị X cũng như một số người thân thì khi bố vợ anh mất anh không đến chịu tang và từ lâu cũng không qua lại gia đình chị X. Điều đó một lần nữa chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ điều 56 Luật HNGĐ xử cho chị Hoàng Thị X được ly hôn anh Nguyễn Đình Tr.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Đình Hải Đ sinh ngày 05/11/2005; Nguyễn Đình V sinh ngày 15/10/2008; Nguyễn Thị Khánh H sinh ngày 04/7/2014. Cháu Hải Đ đã thành niên, anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết. Anh Tr xin nuôi con V và Khánh H cho đến khi các con thành niên, chị X nhất trí và tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ /1 tháng/1 con kể từ tháng 10/2024 cho đến khi các con chung thành niên. Anh Tr có chỗ ở và thu nhập ổn định, nên HĐXX căn cứ Điều 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận trên của các đương sự.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung, công sức chung: Chị X, anh Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[2.4]. Án phí: Chị X phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Hoàng Thị X được ly hôn anh Nguyễn Đình Tr.
2. Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Đình V sinh ngày 15/10/2008; Nguyễn Thị Khánh H sinh ngày 04/7/2014 cho anh Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị X cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ /1 tháng/1 con kể từ tháng 10/2024 cho đến khi các con chung thành niên.

Chị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, tổng là 600.000 đồng, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu số BLTU/23/0006094

ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Chi cục Thi Hành án dân sự thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. Chị X còn phải nộp 300.000 đồng án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ khi người được thi Hành án có đơn yêu cầu thi Hành án, người phải thi Hành án không thi Hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán, lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi Hành án dân sự thì người được thi Hành án dân sự, người phải thi Hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi Hành án dân sự; thời hiệu thi Hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Dương;
- Chi cục THADS TP Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND phường Thanh Bình để ghi vào sổ hộ tịch, kết hôn số 91, quyển 01 ngày 21/7/2003;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thành Hưng

**THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thành Hưng